

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 465/2022/DS-PT
Ngày: 11/8/2022
V/v: xác nhận quyền sở hữu,
quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Việt Hồng

Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Tuyết Loan

2. Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thế Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 608/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc: “Xác nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 332/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1216/2021/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 3898/2021/QĐPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 5257/2021/TATP-TDS ngày 13 tháng 5 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3662/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 9535/2022/QĐ-PT, ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Lý Thị Kim X, sinh năm: 1951

Địa chỉ: 171/21B Phạm NL, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

2. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm: 1948

Địa chỉ: 10 CX PDL, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Ông Huỳnh Đắc T, sinh năm: 1956

Địa chỉ: 22 Đường số 1, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền cho ông T: Bà Trần Thị Minh C, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 368/52 TĐ, Phường B, Quận IV, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

(Theo giấy ủy quyền số công chứng 003939, quyển số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/4/2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Minh T).

Bị đơn: Bà Nguyễn Cẩm TH, sinh năm 1956 (Chết)

Địa chỉ: 8/5 TN, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà TH:

1. Ông Ngô Trung H1, sinh năm: 1980

Địa chỉ thường trú: 8/5 TN, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 14A Nguyễn TD, phường S, Quận III, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Ngô Trung H2, sinh năm: 1987

Địa chỉ thường trú: 8/5 TN, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: 155A ấp PL A, xã PH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền cho ông H2: Ông Ngô Trung H1, sinh năm: 1980;

Địa chỉ thường trú: 8/5 TN, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: 14A Nguyễn TD, phường S, Quận III, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Nguyên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm: 1945 (Chết)

Địa chỉ: 270 Nguyễn TS, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà V:

1. Bà Đồng Mạnh Vân T1, sinh năm: 1967

Địa chỉ: 29/11/20 Lê ĐT, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Đồng Mạnh Hùng D, sinh năm: 1970

Địa chỉ: 270 Nguyễn TS, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà T1, ông D: Bà Đồng Mạnh Vân C, sinh năm: 1978

Địa chỉ: 203 Nguyễn TS, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

(Theo giấy ủy quyền số công chứng 15877 quyền số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD và giấy ủy quyền số công chứng 15876 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng N Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Ông Đồng Mạnh Hùng T2, sinh năm: 1971

4. Bà Đồng Mạnh Vân C, sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: 203 TS, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người kháng cáo: Các đồng nguyên đơn bà Lý Thị Kim X, bà Trần Thị Kim L, ông Huỳnh Đắc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2019 và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bà Lý Thị Kim X, ông Huỳnh Đắc T, bà Trần Thị Kim L trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Bà Lý Thị Kim X yêu cầu bà Nguyễn Cẩm TH có nghĩa vụ thi hành Bản án số 38/2011/DS-ST ngày 22/7/2011 của Tòa án nhân dân Quận 2 (Nay là thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh, theo nội dung bản án, bà TH có nghĩa vụ trả cho bà Xuyền số tiền: 1.800.000.000 (Một tỷ, tám trăm triệu) đồng.

- Ông Huỳnh Đắc T yêu cầu bà Nguyễn Cẩm TH có nghĩa vụ thi hành quyết định số 523/2015/QĐST-DS ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu bà TH phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền: 1.550.000.000 đồng.

- Bà Trần Thị Kim L yêu cầu bà TH có nghĩa vụ thi hành quyết định số 45/HGT-DS ngày 06/9/2005 của Tòa án nhân dân Quận 2 (Nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, với quyết định bà TH phải có nghĩa vụ trả cho bà Lan số tiền: 33 lượng vàng và 1.000.000 đồng.

Theo quyết định, bản án của bà X, bà Lan, ông T cho đến nay bà TH chưa thi hành, lý do là chưa xác định được phần quyền sở hữu riêng của bà TH trong khối tài sản chung là: Thửa đất số 503, tờ bản đồ số 105 tọa lạc tại phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/6/2019, bà Nguyễn Thị Cẩm V có đơn khởi kiện giải quyết trong cùng vụ án này với yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 503, tờ bản đồ số 105 tọa lạc tại phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với bà Nguyễn Cẩm TH.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ việc bà V trình bày:

Ông nội bà V tên: Diệp Văn C, cụ C có hai vợ là bà Trần Thị H và bà Trần Thị T. Giữa cụ C và bà T không có con. Cụ C với bà H có một con chung tên: Nguyễn Văn CH. Cụ CH là cha của bà Nguyễn Thị Cẩm V và bà Nguyễn Cẩm TH.

Lúc các cụ còn sống có tạo lập phần đất có diện tích 15.603m² tại phường MB, quận G, với diện tích này cụ H đứng bộ 12.500m² và cụ T đứng bộ 3.130m².

Sau khi cụ H, cụ T chết giao lại cho ông CH đứng bộ quản lý. Trong phần đất này có 8 ngôi mộ của dòng tộc. Sau khi ông CH chết bà V, bà TH quản lý sử dụng.

Năm 1986 nhà nước giải tỏa nghĩa trang Bắc Việt, việc giải tỏa đất nghĩa trang có phần đất của gia tộc của bà V.

Theo quyết định 1042/QĐ-UBND ngày 16/3/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài việc đền bù bằng tiền còn đền bù cho bà V, bà TH với diện tích đất 184,5m² thuộc thửa 503, tờ bản đồ 105 tại phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi được nhà nước cấp đất bà V để cho em là bà TH đứng khai trình hợp thức hóa. Vì mong muốn của hai chị em với diện tích này để xây nhà làm nhà tổ.

Nay, do bà TH phải thi hành cho các chủ nợ nên bà V yêu cầu xác nhận phần tài sản riêng trong khối tài sản chung để thi hành cho bà TH, việc các đương sự yêu cầu đòi nợ bà TH, bà V không có ý kiến gì. Bà V yêu cầu Tòa án phân chia rõ ràng để bà được hưởng 1/2 di sản thừa kế nhà đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 332/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 9 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 149, Điều 150, Điều 177, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm i khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Áp dụng Điều 5 của Quyết định 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà X, bà Lan, ông T, bà V về việc xác nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của bà TH để thi hành án.

- Bà Nguyễn Cẩm TH sở hữu $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 62,2m² theo bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 10/7/2020, thuộc thửa đất số 503, tờ bản đồ 105, tại phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (thể hiện khu 1).

- Bà V được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 62,2m² theo bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 10/7/2020 thuộc thửa đất số 503, tờ bản đồ 105, tại phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (thể hiện khu 2). Bà V được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất nói trên nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07, 09 tháng 10 năm 2020, bà Lý Thị Kim X, ông Huỳnh Đắc T và bà Trần Thị Kim L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 332/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lý Thị Kim X và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án đều yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 332/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh vì bản án sơ thẩm đã tuyên thiếu diện tích đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00275/26887 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 22/8/2005 thì diện tích của thửa đất số 503, tờ bản đồ 105 tại phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là 184,5m², Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra phân chia xét xử diện tích đất còn lại là 124,4m². Diện tích đất giảm đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Ngoài ra, bà Trần Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Cẩm TH trả cho bà 164,9 chỉ vàng SJC. Tuy nhiên, án sơ thẩm tuyên bà TH trả 33 lượng vàng là không chính xác làm thiệt hại nghiêm trọng về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và những người được thi hành án mà nghĩa vụ bà TH phải thi hành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý, xét xử vụ án đúng quy định; Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Lý Thị Kim X, bà Trần Thị Kim L, ông Huỳnh Đắc T. Hủy bản án số 332/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Bà Lý Thị Kim X, ông Huỳnh Đắc T và bà Trần Thị Kim L nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo của bà X, ông T, bà TH được chấp nhận.

[1.2] Bà Nguyễn Cẩm TH, sinh năm 1956, chết ngày 27/02/2021. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện. Bà TH có hai người con tên là Ngô Trung H1 và ông Ngô Trung H2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa ông Ngô Trung H1 và ông Ngô Trung H2 là con của bà TH vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà TH.

[1.3] Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1945, chết năm 2021. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện. Bà V có 04 người con tên là bà Đồng Mạnh Vân T1, ông Đồng Mạnh Hùng D, ông Đồng Mạnh Hùng T2, bà Đồng Mạnh Vân C. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa bà Đồng Mạnh Vân T1, ông Đồng Mạnh Hùng D, ông Đồng Mạnh Hùng T2, bà Đồng Mạnh Vân C vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà V.

[1.4] Theo quy định tại Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: Đương sự trong vụ án dân sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đương sự trong việc dân sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vụ án có tranh chấp chia tài sản chung do đó tư cách tham gia tố tụng trong vụ án được xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm V, bị

đơn là bà Nguyễn Cẩm TH, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lý Kim X, Trần Thị Kim L, Huỳnh Đắc T.

Bản án sơ thẩm số 332/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án dân sự nhưng tư cách đương sự lại ghi: Người yêu cầu, người bị yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng theo quy định tại Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là vi phạm về thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung: *Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00275/26887 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 22/8/2005 thì diện tích của thửa đất số 503, tờ bản đồ 105 tại phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là 184,5m². Tuy nhiên, Tòa án nhân dân quận G căn cứ bản vẽ áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 10/7/2020, diện tích thực tế còn lại là 124,4 m² chênh lệch 60,1m² so với thực tế. Cấp sơ thẩm không điều tra, xác minh làm rõ, việc chênh lệch thiếu diện tích đất giữa giấy chứng nhận và bản vẽ áp ranh là do đâu, cấp sơ thẩm chỉ dựa vào bản vẽ áp ranh để phân chia nhà, đất cho bà TH và bà V là chưa có căn cứ vững chắc.

Tại văn bản phúc đáp số 929/UBND-TNMT ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận G đã xác định hai thửa đất có diện tích tại khu 1 và khu 2 là 124,4 m² với diện tích mỗi khu là 62,2m² theo bản vẽ áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 10/7/2020 đã xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản vẽ áp ranh là không đảm bảo điều kiện tách thửa thửa do mặt tiền khu 02 chưa đảm bảo 03m.

Cấp sơ thẩm khi phân chia nhà đất lẽ ra phải làm công văn tham khảo với cơ quan có thẩm quyền để có cơ sở phân chia một cách khả thi. Do án sơ thẩm sai sót nhiều về tố tụng và vi phạm nghiêm trọng về nội dung nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Cần hủy án sơ thẩm để điều tra, xác minh cụ thể theo hướng phân tích trên.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Lý Thị Kim X, bà Trần Thị Kim L, ông Huỳnh Đắc T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thị Kim X, bà Trần Thị Kim L, ông Huỳnh Đắc T.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 332/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giữa nguyên đơn – Bà Lý Thị Kim X, bà Trần Thị Kim L, ông Huỳnh Đắc T và bị đơn – Bà Nguyễn Cẩm TH.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự sơ thẩm được quyết định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị Kim X, bà Trần Thị Kim L, ông Huỳnh Đắc T không phải chịu.

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Bà Lý Thị Kim X số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0027165 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Bà Trần Thị Kim L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0027163 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Huỳnh Đắc T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0027166 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Việt Hồng